

Số: /2019/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1803/TTr-NNPTNT ngày 09 tháng 7 năm 2019; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 55/BC-STP ngày 26 tháng 4 năm 2019 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2019 và thay thế Quyết định số 46/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm

2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp và tổ chức quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tư pháp; Giám đốc Công an tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Các Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- VPUB: PCVP, các Phòng n/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh416).

Trần Ngọc Căng

QUY ĐỊNH**Phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

2. Công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công trình thủy lợi liên xã là công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho các tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc 2 xã hoặc đơn vị hành chính tương đương trở lên.

2. Công trình thủy lợi liên huyện là công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho các tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc 2 huyện hoặc đơn vị hành chính tương đương trở lên.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Mỗi hệ thống công trình thủy lợi hoặc công trình thủy lợi phải do một tổ chức hoặc cá nhân quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ theo quy định của pháp luật. Tùy theo quy mô, năng lực, mức độ phức tạp về kỹ thuật và vị trí của công trình để phân cấp quản lý, khai thác cho phù hợp, đảm bảo an toàn, phát huy hiệu quả công trình.

2. Quản lý nhà nước về công trình thủy lợi (tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi) được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước; tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước về công trình thủy lợi của cơ quan nhà nước với hoạt động khai thác, kinh doanh của đơn vị khai thác công trình thủy lợi.

3. Công trình do cấp nào quản lý thì cấp đó trực tiếp tổ chức quản lý và đầu tư sửa chữa, nâng cấp, bảo trì theo đúng quy định của Nhà nước; bảo đảm tính hệ thống của công trình, không chia cắt theo địa giới hành chính. Trong một hệ thống công trình nếu có từ hai cấp quản lý trở lên thì cấp quản lý cao hơn chủ trì đề xuất tổ chức và thống nhất về quy trình vận hành hệ thống để đảm bảo hài hòa lợi ích chung.

4. Bảo đảm thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 19 Luật Thủy lợi. Đồng thời, bảo đảm các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do nước gây ra, bảo đảm an toàn công trình.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 5. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các công trình thủy lợi quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, thành phố quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Luật Thủy lợi và Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Điều 6. Tổ chức được giao khai thác công trình thủy lợi

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao khai thác các công trình thủy lợi sau đây:

a) Trong hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham: Công trình đầu mối, kênh chính, kênh liên huyện, liên xã, trạm bơm tưới liên huyện, liên xã.

b) Ngoài hệ thống thủy lợi Thạch Nham (kể cả các huyện miền núi):

Công trình đầu mối là hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 1.000.000 m³ trở lên hoặc đập có chiều cao từ 15 m trở lên hoặc đập có chiều dài 500 m

trở lên hoặc có lưu lượng xả lũ thiết kế trên $2.000 \text{ m}^3/\text{s}$ hoặc hồ chứa nước phục vụ tưới liên xã, liên huyện; trừ đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Công trình đầu mối là đập dâng nước (không tạo hồ chứa nước) có chiều cao đập từ 10 m trở lên hoặc phục vụ tưới liên xã, liên huyện; trừ đập quan trọng đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

Công trình đầu mối là trạm bơm có năng lực tưới, tiêu từ 200 ha trở lên hoặc phục vụ tưới, tiêu liên xã, liên huyện.

Công trình đầu mối là công phục vụ tưới, tiêu, ngăn mặn cho diện tích từ 200 ha trở lên hoặc phục vụ tưới, tiêu, ngăn mặn liên xã, liên huyện.

Kênh mương (kể cả công trình trên kênh) của hồ chứa, đập dâng, trạm bơm phục vụ tưới, tiêu liên xã, liên huyện.

c) Các công trình tiêu, tiêu kết hợp tưới, kênh tiêu trực chính phục vụ tưới, tiêu liên xã, liên huyện và các công trình ngăn mặn phục vụ tưới, tiêu liên xã, liên huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Tổ chức thủy lợi cơ sở và các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định được khai thác các công trình thủy lợi sau đây:

a) Trong hệ thống thủy lợi Thạch Nham: Các loại kênh tưới, trạm bơm tưới phục vụ trong một xã, phường, thị trấn.

b) Ngoài hệ thống thủy lợi Thạch Nham:

Công trình đầu mối là hồ chứa nước có dung tích toàn bộ nhỏ hơn $1.000.000 \text{ m}^3$ hoặc đập của hồ chứa nước có chiều cao nhỏ hơn 15 m hoặc đập có chiều dài nhỏ hơn 500 m hoặc có lưu lượng xả lũ thiết kế từ $2.000 \text{ m}^3/\text{s}$ trở xuống, phục vụ tưới trong phạm vi một xã, phường, thị trấn.

Công trình đầu mối là đập dâng có chiều cao đập nhỏ hơn 10 m, phục vụ tưới trong phạm vi một xã, phường, thị trấn.

Công trình đầu mối là trạm bơm có năng lực tưới, tiêu nhỏ hơn 200 ha, phục vụ tưới trong phạm vi một xã, phường, thị trấn.

Công trình đầu mối là công phục vụ tưới, tiêu, ngăn mặn cho diện tích nhỏ hơn 200 ha, phục vụ tưới, tiêu, ngăn mặn trong phạm vi một xã, phường, thị trấn.

Kênh mương (kể cả công trình trên kênh) của hồ chứa, đập dâng, trạm bơm phục vụ tưới trong phạm vi một xã, phường, thị trấn.

c) Các công trình tiêu, tiêu kết hợp tưới, công trình ngăn mặn ngoài phạm vi quản lý, khai thác của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi quy định tại khoản 1 Điều này năm

ở xã, phường, thị trấn nào thì tổ chức thủy lợi cơ sở thuộc địa bàn xã, phường, thị trấn đó có trách nhiệm khai thác.

3. Đối với các huyện, thành phố chưa thành lập được tổ chức thủy lợi cơ sở thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở. Chậm nhất sau thời gian 03 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018, phải thành lập, củng cố về tổ chức và năng lực của tổ chức thủy lợi cơ sở để khai thác công trình thủy lợi.

Chi tiết về thành lập, củng cố tổ chức, năng lực, phương thức quản lý, khai thác, nội dung hoạt động, tài sản và tài chính của tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định tại Điều 50, Điều 51 và Điều 52 Luật Thủy lợi; Chương III Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Chương V Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 7. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

a) Quyền, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi được quy định tại Điều 54 Luật Thủy lợi; theo hợp đồng đặt hàng đã được ký kết và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Có trách nhiệm củng cố về tổ chức và năng lực đáp ứng quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

c) Đối với công trình thủy lợi do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi và tổ chức thủy lợi cơ sở khai thác: Được giao khai thác theo phương thức đặt hàng.

d) Đối với công trình thủy lợi do các tổ chức, cá nhân khác khai thác: Phương thức khai thác do cơ quan quản lý tại Điều 5 Quy định này quyết định.

2. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi được quy định tại Điều 55 Luật Thủy lợi.

Chương III

BẢO VỆ VÀ QUY TRÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 8. Bảo vệ công trình thủy lợi

1. Công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân nào quản lý, khai thác thì tổ chức, cá nhân đó chịu trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình theo quy định của Luật Thủy lợi; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quy định này.

2. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận. Vùng phụ cận của công trình thủy lợi được quy định tại Điều 40 Luật Thủy lợi và Điều 2 Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo Điều 44 Luật Thủy lợi phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; nội dung, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 9. Phương án bảo vệ công trình thủy lợi

1. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo phân cấp tại khoản 2 Điều 5 Quy định này, trừ công trình thủy lợi nhỏ. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nội dung phương án và thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi theo Điều 41 và Điều 42 Luật Thủy lợi và Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 10. Quy trình vận hành công trình thủy lợi

1. Trách nhiệm, trình tự, thủ tục, nội dung lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện quy trình vận hành công trình thủy lợi thực hiện theo Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Luật Thủy lợi; Chương II và Điều 32 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; quy trình vận hành hồ chứa nước thực hiện theo Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn theo phân cấp tại khoản 2 Điều 5 Quy định này, trừ công trình thủy lợi nhỏ; đối với quy trình vận hành hồ chứa nước, trước khi tổ chức thẩm định, phê duyệt, phải lấy ý kiến thỏa thuận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỦY LỢI

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thủy lợi trên địa bàn tỉnh, có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Tham mưu cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về thủy lợi.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo hoặc tham mưu tổ chức thực hiện việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; tham mưu tổ chức quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi. Tổ chức thẩm định, trình phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức rà soát, thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi; tổ chức xây dựng, lắp đặt thiết bị quan trắc thủy văn chuyên dùng, thiết bị quan trắc an toàn, thiết bị giám sát vận hành công trình và hạ du cho đập, hồ chứa nước. Dự báo về nguồn nước phục vụ hoạt động thủy lợi và các nhu cầu dùng nước khác; kiểm kê nguồn nước trong công trình thủy lợi, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn để lập phương án điều hòa, phân phối nguồn nước bảo đảm nhu cầu sử dụng nước thiết yếu cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu đề xuất kinh phí đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; đề xuất kinh phí hỗ trợ khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn, thiệt hại công trình thủy lợi do lũ lụt. Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đập, hồ chứa nước của chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của tỉnh, huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

đ) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thành lập tổ chức thủy lợi cơ sở, củng cố năng lực quản lý, khai thác. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

e) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

g) Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thủy lợi.

h) Định kỳ hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động thủy lợi.

i) Các quyền hạn, nhiệm vụ khác đã được quy định trong hệ thống các

văn bản luật pháp về thủy lợi và được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Sở Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo các chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến quản lý, khai thác hồ chứa thủy điện. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo thực hiện việc điều tiết nước hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, chủ đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi các nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm nguồn nước, chống thất thoát, suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy định, đảm bảo phù hợp với quy hoạch thủy lợi được duyệt và nhu cầu cấp thiết của địa phương.

5. Sở Tài chính chịu trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao kinh phí để thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Tham mưu phân bổ kịp thời tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

6. Sở Xây dựng tăng cường công tác kiểm tra chất lượng đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh của chủ đầu tư theo quy định. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi xây dựng, tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng (trong đó có nội dung về cấp thoát nước cho đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp) đảm bảo đồng bộ và phù hợp với quy hoạch thủy lợi.

7. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức quy hoạch mạng lưới giao thông trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để phát huy tối đa hiệu quả công trình, đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về thủy

lợi và giao thông; đồng thời không làm ảnh hưởng đến an toàn và vận hành của công trình thủy lợi.

8. Công an tỉnh chịu trách nhiệm phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các vi phạm pháp luật về thủy lợi.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi trên địa bàn theo phân cấp và các quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Thủy lợi.

b) Lập, phê duyệt kế hoạch, lộ trình cụ thể trong thời gian 3 năm (*đến ngày 01 tháng 7 năm 2021*) để hoàn thành việc củng cố về năng lực của các tổ chức thủy lợi cơ sở. Tổ chức hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng năng lực theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

c) Tổ chức giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định. Tổ chức quản lý và kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

d) Định kỳ lập, phê duyệt danh mục và kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý để công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 hàng năm trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý tài sản. Tổ chức thực hiện việc bảo trì tài sản theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định 129/2017/NĐ-CP.

đ) Định kỳ trước ngày 28 tháng 02 hàng năm, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động thủy lợi của năm trước trên địa bàn do mình quản lý.

e) Các quyền hạn, nhiệm vụ khác đã được quy định trong hệ thống các văn bản luật pháp về thủy lợi.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

và các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi, theo chức năng và nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 14. Xử lý vướng mắc, phát sinh

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng